

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-PT
Ngày: 21-02-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực.
Ông Trần Văn Dừa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1953 (có mặt).
Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lâm Khắc S, Văn phòng luật sư Lâm Khắc S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).
- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thúy H, sinh năm 1981 (có mặt).
2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1983 (xin xét xử vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Trần Văn R, sinh năm 1955 (xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thúy H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05 tháng 09 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn bà Lâm Thị L, trình bày: Bà là mẹ ruột của ông Trần Văn L, còn bà Nguyễn Thúy H là con dâu của bà. Năm 2017 bà về cất nhà ở ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh để ở chung với vợ chồng ông L và bà H. Bà với bà H sống chung được một thời gian thì bắt đầu mâu thuẫn, nên hiện nay bà với bà H không còn sống chung nhà. Quá trình sống chung, bà có cho ông L và bà H vay số tiền 100.000.000 đồng vào tháng 10 năm 2017 (al) để trả tiền mua giàn nhạc và tiêu xài trong gia đình, khi vay tiền bà H là người trực tiếp nhận tiền nhưng không có làm biên nhận, không có thỏa thuận thời gian trả tiền và không có tính lãi. Đến tháng 12 năm 2017 (al), bà cho bà H vay tiếp 20.000.000 đồng để cất quán, không có làm biên nhận, không có thỏa thuận thời gian trả tiền, không có tính lãi và ông L không biết việc này. Sau đó, hai bên xảy ra mâu thuẫn nên bà H có đưa cho ông L số tiền 5.000.000 đồng để trả cho bà. Do bà H và ông L vay số tiền 100.000.000 đồng của bà nên mỗi người trả 50.000.000 đồng. Bà H vay riêng 20.000.000 đồng, trả được 5.000.000 đồng nên bà H còn nợ lại bà số tiền 15.000.000 đồng. Nên bà yêu cầu bà H trả cho bà tổng số tiền vay vốn gốc 65.000.000 đồng và ông L trả cho bà số tiền vay vốn gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bị đơn bà Nguyễn Thúy H, trình bày: Bà với ông L kết hôn năm 2014, chung sống tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Năm 2017 bà L là mẹ chồng của bà về sống chung với vợ chồng bà được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Vào năm 2016 mẹ ruột của bà là bà Trần Thị B có cho bà số tiền 50.000.000 đồng nên bà trả cho em rể là ông Nguyễn Ngọc H số tiền mượn mua giàn nhạc 40.000.000 đồng vào năm 2016. Bà có mượn của ông Trần Văn V số tiền 18.050.000 đồng và tiền hốt hụi để bà cất quán. Đối với số tiền 5.000.000 đồng ông L đưa cho bà L là tiền bà L đưa trả tiền lán quán, vì bà có thuê ông Bláng nên quán với tiền công là 7.000.000 đồng nên bà L tính toán đưa 5.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng bà trả nhưng bà có đủ số tiền 7.000.000 đồng nên bà đưa đủ cho ông B vào dịp tết năm 2018. Ngày 13/6/2018 tại cuộc hòa giải ở ấp P, bà trình bày có mượn tiền của bà L để chi tiêu trong gia đình và để trả nợ mua giàn nhạc là do ông L kêu bà nhận giúp bà để cha chồng của bà là ông R với bà L không xảy ra mâu thuẫn, do bà L lấy tiền cho bà con mượn hết. Ông L nói, tiền này vợ chồng đâu có mượn đâu mà trả, nhận cho gia đình êm ấm, chứ vợ chồng không có xích mích gì đâu nên bà mới nhận mượn tiền của bà L. Bà không có mượn tiền của bà L nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Theo bị đơn ông Trần Văn L, trình bày: Ông là con ruột của bà L và ông R, bà H là vợ của ông. Năm 2017 bà L và ông R chuyên nhượng đất ở tỉnh Tiền Giang đem tiền về cất nhà ở ấp P, xã H, huyện T để sống chung với vợ chồng ông. Tháng 10 năm 2017 (al) ông và bà H có vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền mua giàn nhạc cho ông Hiền 40.000.000 đồng và số tiền còn lại tiêu xài trong gia

đình, không có làm biên nhận, không có thỏa thuận thời gian trả tiền và không có tính lãi. Khi vay tiền có mặt ông với bà H, nhưng lúc nhận tiền chỉ có bà H là người trực tiếp nhận tiền. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà L cho bà H mượn ông không biết, sau đó ông nghe bà L nói bà H mượn tiền cất quán. Ông có hỏi mượn của ông Trần Văn V số tiền 18.050.000 đồng cho bà H cất quán, sau đó bà H đưa cho ông số tiền 5.000.000 đồng trả trước cho bà L. Ông không có kêu bà H thừa nhận giúp bà L là có mượn tiền của bà L mà bà H tự thừa nhận. Nên ông đồng ý trả cho bà L số tiền 50.000.000 đồng, còn số tiền 20.000.000 đồng bà H mượn riêng ông không biết nên ông không đồng ý cùng với bà hằng trả tiền cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn R tham gia tố tụng đứng về phía nguyên đơn có lời trình bày và yêu cầu như nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị L.
2. Buộc ông Trần Văn L có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lâm Thị L tiền vốn vay bằng 47.500.000 đồng. Bà Lâm Thị L không yêu cầu tính lãi.
3. Buộc bà Nguyễn Thúy H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lâm Thị L tiền vốn vay bằng 47.500.000 đồng. Bà Lâm Thị L không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2019 bà Nguyễn Thúy H kháng cáo không đồng ý trả cho bà Lâm Thị L số tiền 47.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

- Bị đơn bà Nguyễn Thúy H giữ nguyên kháng cáo.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, trình bày: Tại biên bản hòa giải không thành ngày 13/6/2018 của Ban nhân dân ấp P, xã H bà H thừa nhận có mượn tiền của bà L để mua giàn nhạc và chi tiêu trong gia đình, nhưng bà H cho rằng do ông L kêu bà nhận giúp bà L để cha chồng của bà là ông R với bà L không xảy ra mâu thuẫn là không có căn cứ, vì ông L không thừa nhận sự việc này và bà H cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là không có mượn tiền của bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H.

- Nguyên đơn bà Lâm Thị L thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã trình bày nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H và giữ nguyên quyết định án của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thúy H còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Ông Trần Văn L là bị đơn và ông Trần Văn R là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn L và ông Trần Văn R.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thúy H kháng cáo, không đồng ý trả cho bà Lâm Thị L số tiền 47.500.000 đồng, xét yêu cầu kháng cáo của bà H là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà H thừa nhận tại phiên hòa giải ngày 13/6/2018 của Ban nhân dân ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì bà có thừa nhận mượn số tiền 120.000.000 đồng của bà L, sau đó trả 5.000.000 đồng nên số tiền mượn còn lại là 115.000.000 đồng, nhưng việc bà thừa nhận có mượn số tiền 115.000.000 đồng tiền của bà L là do chồng bà là ông Trần Văn L kêu bà nhận dùm bà L để bà L với ông R không xảy ra mâu thuẫn gia đình, do đó bà mới thừa nhận có mượn của bà L số tiền 120.000.000 đồng để trả tiền mua giàn nhạc và tiêu xài trong gia đình. Nhưng ngoài lời khai miệng ra, bà H không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời khai của mình, còn ông L thì không thừa nhận sự việc này, mà do bà H tự thừa nhận mượn tiền của bà L. Tại phiên tòa hôm nay, bà H khai Ban nhân dân ấp P mời hòa giải ngày 13/6/2018 bà biết được là do mẹ của bà là bà Bằng nói lại cho bà biết vào buổi chiều ngày hôm trước đến sáng ngày 13/6/2018 thì bà tham gia hòa giải tại Ban nhân dân ấp P. Nhưng có lúc bà H lại khai, trước ngày 13/6/2018 khoảng một tuần thì ông L kêu bà thừa nhận mượn tiền của bà L để ông R với bà L không xảy ra mâu thuẫn gia đình. Như vậy, lời khai của bà H có mâu thuẫn với nhau nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đối với các thành viên Ban hòa giải của Ban nhân dân ấp P ngày 13/6/2018 đều xác nhận, tại phiên hòa giải ngày 13/6/2018 của Ban nhân dân ấp P bà H tự thừa nhận có nợ của bà L số tiền còn lại 115.000.000 đồng để trả tiền nợ mua giàn nhạc và chi tiêu trong gia đình, ông L không có kêu bà H nhận nợ dùm cho bà L. Như vậy, có cơ sở để khẳng định ông L và bà H có vay của bà L số tiền vốn gốc

100.000.000 đồng, đã trả được 5.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 95.000.000 đồng như án sơ thẩm xử là có căn cứ.

[4] Ông Trần Văn R cho rằng, tiền bà L cho ông L và bà H vay là tiền chung của ông R với bà L, cấp sơ thẩm xử buộc ông L và bà H trả số tiền vay vốn gốc còn lại 95.000.000 đồng cho bà L, thì ông R thống nhất không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận; Không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Bà L sinh năm 1953 là người cao tuổi được quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên miễn án phí cho bà L.

[7] Bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thúy H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị L.

2. Buộc ông Trần Văn L phải trả cho bà Lâm Thị L số tiền vay vốn gốc bằng 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng*).

3. Buộc bà Nguyễn Thúy H phải trả cho bà Lâm Thị L số tiền vay vốn gốc bằng 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án khi đến hạn) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâm Thị L. Buộc bị đơn ông Trần Văn L phải chịu 2.375.000 đồng (*Hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Buộc bà Nguyễn Thúy H phải chịu 2.375.000 đồng (*Hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006445 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Huỳnh Văn Hoàng Vân